

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 116/2017/HNGĐ-ST

Ngày 25/8/2017

“Không công nhận
quan hệ vợ chồng”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Kim Loan.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Văn Thanh;**

2. Ông **Phan Văn Thật;**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Trần Hồng Nhung** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 25 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lậy xét xử công khai vụ án thụ lý số 265/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2017/QĐXX-ST ngày 07 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1995 (có mặt).

HKTT: Số 263, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đ.

- *Bị đơn:* Anh **Đoàn Trần Ngọc D**, sinh năm 1993 (có mặt).

HKTT: ấp 9B, xã M, huyện CL, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/6/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị **Nguyễn Thị T** trình bày:

Chị và anh **Đoàn Trần Ngọc D** sống chung năm 2011 và không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới anh chị sống hạnh phúc được một thời gian thì đến năm 2012 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Anh chị đã ly thân từ cuối năm 2012 đến nay. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị **T** yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh **Đoàn Trần Ngọc D**.

- Về con chung: Chị tự nguyện giao quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung tên Đoàn Ngọc D K – sinh ngày 15/12/2012 cho anh D. Chị T không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai anh Đoàn Trần Ngọc D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất với trình bày của chị T về thời gian chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn. Anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

- Về con chung: Anh yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung tên Đoàn Ngọc D K – sinh ngày 15/12/2012. Anh D không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa hôm nay, chị T giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và giải quyết vấn đề con chung giữa chị và anh D. Anh D đồng ý ly hôn và xin được quyền nuôi con chung là cháu K, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị T có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh D. Anh D có địa chỉ tại địa bàn huyện Cai Lậy nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Chị Nguyễn Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Đoàn Trần Ngọc D. HĐXX xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Nguyễn Thị T với anh Đoàn Trần Ngọc D sống chung nhưng không có đăng ký kết hôn căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình HĐXX không công nhận chị T và anh D là vợ chồng.

[4] Về con chung: Chị T và anh D có một con chung là cháu Đoàn Ngọc D K – sinh ngày 15/12/2012. Xét yêu cầu tự nguyện giao con của chị T Hội đồng xét xử nhận thấy cháu K hiện đang sống chung với anh D, cuộc sống sinh hoạt đã ổn định, anh D có thu nhập, có khả năng tài chính, đảm bảo được tương lai sau này cho cháu K. Anh D cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K. Căn cứ Điều 58; Điều 81; Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình HĐXX ghi nhận sự tự nguyện của chị T, giao con chung tên Đoàn Ngọc D K – sinh ngày 15/12/2012 cho anh Đoàn Trần Ngọc D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị T được quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng: Chị T chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh D chưa có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 235; Điều 266; Điều 267; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Khoản 1 Điều 9; Điều 58, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị T với anh Đoàn Trần Ngọc D là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung tên Đoàn Ngọc D K – sinh ngày 15/12/2012 cho anh D được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Chị Nguyễn Thị T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Về cấp dưỡng: Chị T chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh D chưa có yêu cầu.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ án phí HNST. Được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 14567 ngày 04/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, chị T đã nộp xong án phí.

5. Quyền kháng cáo: Chị T, anh D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG;
- VKSND H.Cai Lậy;
- Chi cục THADS H.CL;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Kim Loan

